

Số: 30/2026/QĐST-DS

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế thụ lý số: 142/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ninh Thị X, sinh ngày 03/6/1974. CCCD số: 024174005101. Nơi cư trú: Thôn N, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Ninh Thị X: Ông Đỗ Viết S, sinh năm 1964. CCCD số: 024064017890 (văn bản uỷ quyền ngày 06/4/2026). Nơi cư trú: Thôn H, xã Bồ Hạ, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:**

1. Bà Đặng Thị K, sinh ngày 05/02/1960. CCCD số: 024160000760. Nơi cư trú: Số nhà 03 ngõ 136 đường C, TDP C, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

2. Ông Đặng Văn K1, sinh ngày 16/4/1963. CCCD số: 024063011408. Nơi cư trú: Thôn M, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh.

3. Bà Đặng Thị H, sinh ngày 20/12/1967. CCCD số: 024167010997. Nơi cư trú: Thôn N, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1992;

2. Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1996;

Đều cư trú: Thôn N, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh.

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Giao ông Đặng Văn K1 toàn quyền sử dụng 02 thửa đất là: Thửa đất số: 139, tờ bản đồ số: 78, địa chỉ thửa đất thôn M, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn M, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh), diện tích 137,4m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063, được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri CV 347043, số vào sổ cấp GCN: CH 02349, ngày 31/12/2019, mang tên Hộ bà Nguyễn Thị H. Cùng Thửa đất số: 121, tờ bản đồ số: 78, địa chỉ thửa đất thôn M, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn M, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh), diện tích 422,0m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063, được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri CV 347042, số vào sổ cấp GCN: CH 02348, ngày 31/12/2019, mang tên Hộ bà Nguyễn Thị H. Tổng cộng diện tích ông K1 sử dụng 559,4m², tổng trị giá 248.374.000đ.

- Giao bà Ninh Thị X toàn quyền sử dụng 03 thửa đất là: Thửa đất số 425, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất thôn M, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn M, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh), diện tích 180m² (đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri N 431797, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01208.QSĐĐ/số 228/QĐ-CT ngày 11/5/1999 mang tên bà Nguyễn Thị H), theo bản đồ đo đạc năm 2012 thì thửa đất này được đặc là thửa đất số 358, tờ bản đồ số 27, diện tích 184,7m² thuộc xứ đồng Môi, chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất thôn M, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn M, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh), diện tích 347m² (đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri N 431797, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01208.QSĐĐ/số 228/QĐ-CT ngày 11/5/1999 mang tên bà Nguyễn Thị H), theo bản đồ đo đạc năm 2012 thì thửa đất này được đặc là thửa đất số 329, tờ bản đồ số 31, diện tích 368,8m² thuộc xứ đồng Ma mố, chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số: 299, tờ bản đồ số: 78, địa chỉ thửa đất thôn M, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn M, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh), diện tích 519,2m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063, được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri CV 347044, số vào sổ cấp GCN: CH 02350, ngày 31/12/2019, mang tên Hộ bà Nguyễn Thị H. Tổng cộng diện tích bà Xuân sử dụng 1.072,7m², tổng trị giá 476.279.000đ.

- Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Văn K1 phải hoàn trả bà Ninh Thị X 8.569.000đ tiền chi phí tố tụng.

- Án phí: Bà Ninh Thị X chịu 11.526.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 13.880.000đ tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp, hoàn trả bà X 2.354.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002363 ngày 25/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Văn K1.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Phòng THSDS khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu:

THẨM PHÁN

(đã ký)

Thân Trọng Khôi